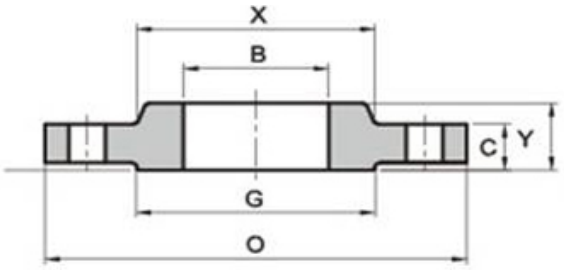


MẶT BÍCH RỖNG THÉP ANSI CLASS 300 LBS

MÃ SẢN PHẨM	SP - 51
TÊN SẢN PHẨM	MẶT BÍCH RỖNG THÉP ĐÚC ASTM A105 ANSI 300 LBS
Loại Bích	Bích rỗng Slip-On / SORF, mặt phẳng / FF
Chất Liệu	Thép đúc áp lực-Forged carbon steel ASTM A105, A/ SA105 N
Tiêu Chuẩn	ASME/ ANSI B 16.5
Áp Lực	Class 300 lbs ~ Class 600 lbs ~ Class 900 lbs
Kích Cỡ	DN15A → DN600A ~ (½" inch → 24" inch) ~ (22.4 mm → 616 mm)
Sử Dụng	Xăng, dầu, Khí, gas, nhiệt điện, hơi nóng, khí nén, nước, nước thải,….
Sản Phẩm	Phủ sơn chống gỉ, vàng trong, sơn đen, mạ kẽm & nhúng nóng
Tình Trạng	Hàng có sẵn, mới 100%

Xuất Xứ	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam



SLIP-ON

ASME/ANSI B16.5 300lb Slip on Flange/Standards, Dimensions & Weight

Pipe Normal Diam.		O.D. Flange	Thk. Of Flange Min	Diam. of Hub	Diameter of Raised Face	Length Hub.Y	Bore	Diam. of Bolt Circle	Diam. of Bolt Holes	Number of Bolts	Diam. of Bolts (inch)	Approx. Weight	
inch	dn	O	C	X	G	Y	B	BC	BH	BN	BD	KG/PCS	LB/PCS
1/2"	15	95.5	14.2	38.1	35.1	22.4	22.4	66.5	15.7	4	1/2"	0.7	1.5
3/4"	20	117. 5	15.7	47.8	42.9	25.4	27.7	82.6	19.1	4	5/8"	1.2	2.6
1"	25	124. 0	17.5	53.8	50.8	26.9	34.5	88.9	19.1	4	5/8"	1.4	3.1
1-1/4"	32	133. 5	19.1	63.5	63.5	26.9	43.2	98.6	19.1	4	5/8"	1.8	4
1-1/2"	40	155. 5	20.6	69.9	73.2	30.2	49.5	114.3	22.4	4	5/8"	2.7	6
2"	50	165. 0	22.4	84.1	91.9	33.3	62	127	19.1	8	5/8"	3.2	7
2-1/2"	65	190. 5	25.4	100.1	104.6	38.1	74.7	149.4	22.4	8	3/4"	4.5	9.9
3"	80	209. 5	28.4	117.3	127	42.9	90.7	168.1	22.4	8	3/4"	5.9	13
3-1/2"	90	228. 5	30.2	133.4	139.7	44.5	103. 4	184.2	22.4	8	3/4"	7.5	16.5
4"	100	254. 0	31.8	146.1	157.2	47.8	116. 1	200.2	22.4	8	3/4"	10	22
5"	125	279. 5	35.1	177.8	185.7	50.8	143. 8	235	22.4	8	3/4"	12.5	27.5
6"	150	317. 5	36.6	206.2	215.9	52.3	170. 7	269.7	22.4	12	3/4"	16.5	36.4
8"	200	381. 0	41.1	260.4	269.7	62	221. 5	330.2	25.4	12	7/8"	25.5	56
10"	250	444. 5	47.8	320.5	323.9	66.5	276. 4	387.4	28.4	16	1"	35	77
12"	300	520. 5	50.8	374.7	381	73.2	327. 2	450.9	31.8	16	1 1/8"	52	115
14"	350	584. 0	53.8	425.5	412.8	76.2	359. 2	514..4	31.8	20	1 1/8"	73	161
16"	400	647. 5	57.2	482.6	469.9	82.6	410. 5	571.5	35.1	20	1 1/4"	88	194
18"	450	711. 0	60.5	533.4	533.4	88.9	461. 8	628.7	35.1	24	1 1/4"	115	253
20"	500	774. 5	63.5	587.2	584.2	95.3	513. 1	685.8	35.1	24	1 1/4"	139	306
24"	600	914. 5	69.9	701.5	692.2	106. 4	616. 0	812.8	41.1	24	1 1/2"	212	467

Sản phẩm khác



RẮC CO REN THÉP RÈN A105

Xem thêm RẮC CO REN THÉP RÈN A105



CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

Xem thêm CÀ RÁ REN ÁP LỰC INOX 304L

MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH RỔNG INOX 304

MẶT BÍCH INOX 304

Xem thêm MẶT BÍCH INOX 304



MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40

Xem thêm MẶT BÍCH MÙ THÉP SS400 DIN 2527 PN40



MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS

Xem thêm MẶT BÍCH CỔ INOX 304 ANSI CLASS 150 LBS